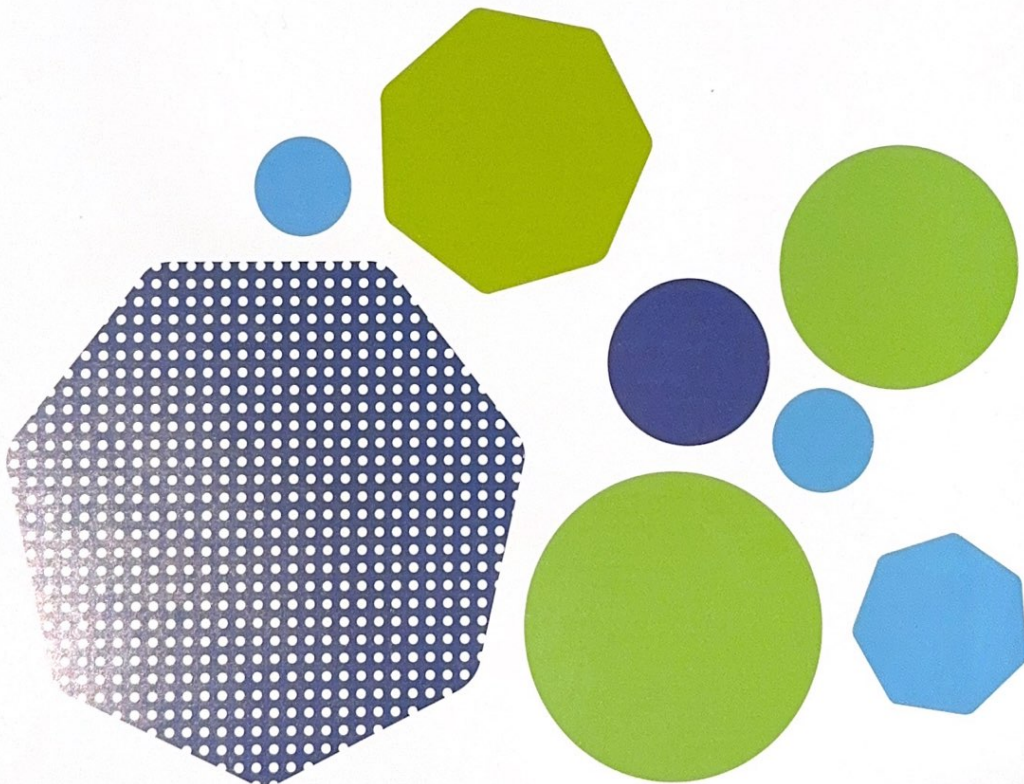


**CÔNG TY CỔ PHẦN SAMETEL**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024



Thành viên độc lập của Hãng UHY Quốc tế

*Giúp Khách hàng  
phát triển thịnh vượng*

**MỤC LỤC**

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 34

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sametel (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

##### **Hội đồng quản trị**

Ông Nguyễn Đông Hưng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Huy	Thành viên
Ông Đỗ Tự Cường	Thành viên
Bà Trần Thùy Linh	Thành viên

##### **Ban Tổng Giám đốc**

Bà Vũ Thị Phương	Tổng Giám đốc
------------------	---------------

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 và đến ngày lập Báo cáo này là bà Vũ Thị Phương, chức danh Tổng giám đốc.

#### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng: không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30/06/2024 có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 của Công ty.

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng, Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Vũ Thị Phương**  
Tổng giám đốc  
Đồng Nai, ngày 14 tháng 08 năm 2024

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sametel

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Sametel (Sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14/08/2024, từ trang 07 đến trang 34 kèm theo, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sametel chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Cơ sở của việc đưa ra kết luận ngoại trừ

Trong kỳ, Công ty thực hiện chuyển nhượng hệ thống năng lượng mặt trời solar ("Hệ thống") cho Công ty TNHH Kỹ thuật Vector Việt Nam ("Bên mua") với giá trị khoảng 21,527 tỷ đồng (đã bao gồm VAT). Theo điều khoản của hợp đồng mua bán này: thời hạn thanh toán theo tiến độ từ tháng 12 năm 2025 đến tháng 12 năm 2029 và Bên mua có quyền yêu cầu thay đổi hoặc gia hạn thời gian thanh toán trong bất kỳ tình huống nào có thể ảnh hưởng đến khả năng thanh toán theo hợp đồng; và Bên mua được quyền trả hàng hóa nếu phát hiện có hàng hóa có hư hỏng trong vòng 5 năm. Việc ghi nhận này chưa đáp ứng các điều kiện ghi nhận doanh thu theo Chuẩn mực kế toán số 14 - Doanh thu và thu nhập khác làm cho khoản mục doanh thu bán hàng tăng 19,57 tỷ đồng, giá vốn hàng bán tăng 19,39 tỷ đồng, Lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế tăng 180 triệu đồng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024, khoản mục lợi nhuận sau thuế tăng 180 triệu đồng, hàng tồn kho giảm 19,39 tỷ đồng và phải thu khách hàng tăng lên khoảng 21,527 tỷ đồng trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2024.

### Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sametel tại ngày 30/06/2024, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 29 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính:

Tại thời điểm 30/06/2024, lỗ lũy kế của Công ty là hơn 4,6 tỷ đồng, đồng thời các khoản nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn là 1,926 tỷ đồng. Những yếu tố này chỉ ra sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục do Ban lãnh đạo Công ty tin tưởng vào việc triển khai thành công phát hành cổ phiếu riêng lẻ và chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất tại Khu Công nghiệp Long Thành theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 2806/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2024.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 30 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính:

Theo Nghị quyết hội đồng quản trị số 0709/2023/NQ-HĐQT ngày 7/9/2023 về việc thành lập công ty TNHH Sametel Sản xuất; Nghị quyết số 1207/2023/NQ-HĐQT ngày 12/07/2023 về việc thành lập Công ty TNHH MTV Sametel Solar 1 và Công ty TNHH MTV Sametel Solar 2. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Các Công ty này đã được thành lập tuy nhiên Công ty Cổ phần Sametel chưa thực hiện góp vốn theo các Nghị quyết của Hội đồng quản trị vào các Công ty này.

Kết luận ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nhấn mạnh này.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 của Công ty đã được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt và Công ty kiểm toán này đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần theo báo cáo số 228/BCSX/TC vào ngày 12/08/2023.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty cũng được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán này và đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính này theo báo cáo số 186/BCKT/TC tại ngày 29/03/2024 do không thu thập được bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của các dự án điện năng lượng mặt trời cũng như không thể đánh giá về giá trị trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho của dự án này. Trong 6 tháng đầu năm 2024, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng dự án này.



**Phạm Gia Đạt**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số 0798-2024-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY (UHY LTD)**

*Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2024*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>54.035.265.428</b>	<b>106.441.230.477</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	4.367.629.827	8.490.100.619
Tiền	111		4.367.629.827	3.320.343.192
Các khoản tương đương tiền	112		-	5.169.757.427
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	181.440.000	263.760.000
Chứng khoán kinh doanh	121		1.480.166.925	1.480.166.925
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(1.298.726.925)	(1.216.406.925)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		40.709.210.223	70.188.960.805
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	29.930.863.393	55.052.803.980
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	10	14.085.368.542	14.089.675.643
Các khoản phải thu khác	136	8	3.401.990.935	2.258.482.121
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(6.709.012.647)	(1.212.000.939)
Hàng tồn kho	140	9	8.467.638.626	27.144.365.142
Hàng tồn kho	141		9.237.876.634	30.362.258.308
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(770.238.008)	(3.217.893.166)
Tài sản ngắn hạn khác	150		309.346.752	354.043.911
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	203.272.094	354.043.911
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	106.074.658	-
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>71.900.061.583</b>	<b>51.618.040.577</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		23.351.012.441	552.673.523
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	7	24.385.321.108	-
Phải thu dài hạn khác	216	8	394.813.155	552.673.523
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(1.429.121.823)	-
Tài sản cố định	220		48.091.976.852	50.437.815.618
Tài sản cố định hữu hình	221	14	42.382.838.292	43.937.842.762
- Nguyên giá	222		80.012.116.965	81.490.816.965
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(37.629.278.673)	(37.552.974.203)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	2.153.213.081	2.870.950.775
- Nguyên giá	225		5.653.485.145	5.653.485.145
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(3.500.272.064)	(2.782.534.370)
Tài sản cố định vô hình	227	12	3.555.925.479	3.629.022.081
- Nguyên giá	228		6.257.688.564	6.257.688.564
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.701.763.085)	(2.628.666.483)
Tài sản dài hạn khác	260		457.072.290	627.551.436
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	457.072.290	627.551.436
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>125.935.327.011</b>	<b>158.059.271.054</b>


**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

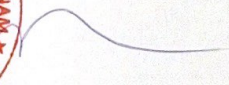
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>65.147.415.916</b>	<b>89.894.390.240</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>55.961.978.418</b>	<b>76.475.233.414</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	8.654.268.751	10.849.249.160
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.709.464.340	2.352.781.551
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	4.673.704.632	5.032.049.258
Phải trả người lao động	314		227.071.311	509.881.222
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		193.595.986	71.121.223
Phải trả ngắn hạn khác	319		1.710.535.266	1.726.230.865
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	37.003.770.246	54.144.352.249
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.789.567.886	1.789.567.886
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>9.185.437.498</b>	<b>13.419.156.826</b>
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		1.888.077.337	2.513.663.857
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	7.297.360.161	10.905.492.969
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>60.787.911.094</b>	<b>68.164.880.814</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>60.787.911.094</b>	<b>68.164.880.814</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		54.674.320.000	54.674.320.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		54.674.320.000	54.674.320.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.816.120.000	3.816.120.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		6.929.018.235	6.929.018.235
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(4.631.547.141)	2.745.422.579
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.745.422.579	6.047.357.575
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(7.376.969.720)	(3.301.934.996)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>125.935.327.011</b>	<b>158.059.271.054</b>

Đồng Nai, ngày 14 tháng 08 năm 2024

  
Nguyễn Thị Hằng  
Người lập biểu

  
Nguyễn Thị Hằng  
Kế toán trưởng

  
Vũ Thị Phương  
Tổng Giám Đốc






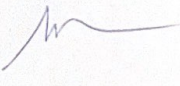
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
			đến 30/06/2024	đến 30/06/2023
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	52.282.868.443	81.302.874.218
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	277.209.554	133.996.082
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		52.005.658.889	81.168.878.136
Giá vốn hàng bán	11	21	47.445.517.097	76.107.815.171
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.560.141.792	5.061.062.965
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	44.276.681	123.327.347
Chi phí tài chính	22	23	2.208.035.707	3.431.168.169
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.026.592.110	3.117.922.649
Chi phí bán hàng	25	24	1.334.942.832	2.806.233.613
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	8.689.994.410	2.403.067.977
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(7.628.554.476)	(3.456.079.447)
Thu nhập khác	31		638.905.551	101.581.718
Chi phí khác	32		224.211.598	487.593.434
Lợi nhuận khác	40		414.693.953	(386.011.716)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(7.213.860.523)	(3.842.091.163)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	163.109.197	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(7.376.969.720)	(3.842.091.163)
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	70	26	(1.349)	(703)

Đồng Nai, ngày 14 tháng 08 năm 2024



  
Nguyễn Thị Hằng  
Người lập biểu

  
Nguyễn Thị Hằng  
Kế toán trưởng

  
Vũ Thị Phương  
Tổng Giám Đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		57.074.785.858	95.011.916.219
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(35.577.041.653)	(76.442.637.086)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.216.765.056)	(3.370.728.655)
Tiền lãi vay đã trả	04		(2.003.240.944)	(3.305.201.188)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(273.302.611)	(51.336.219)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.524.669.162	998.718.467
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(5.697.268.273)	(3.923.907.623)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>15.831.836.483</b>	<b>8.916.823.915</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		705.241.219	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		44.276.681	123.327.347
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>749.517.900</b>	<b>123.327.347</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		35.952.047.669	53.484.231.732
Tiền trả nợ gốc vay	34		(56.206.976.466)	(63.213.714.473)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(448.896.378)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(20.703.825.175)</b>	<b>(9.729.482.741)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(4.122.470.792)</b>	<b>(689.331.479)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		8.490.100.619	9.591.035.456
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>4.367.629.827</b>	<b>8.901.703.977</b>

Đồng Nai, ngày 14 tháng 08 năm 2024



Nguyễn Thị Hằng  
Người lập biểu

Nguyễn Thị Hằng  
Kế toán trưởng

Vũ Thị Phương  
Tổng Giám Đốc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Sametel (Tên cũ là Công ty Cổ phần Vật liệu điện và Viễn Thông Sam Cường) là Công ty cổ phần được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600850734 (số cũ là 4703000342) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 20/10/2006, thay đổi lần thứ 13 ngày 04/01/2023.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại sở giao dịch thành phố Hà Nội từ ngày 30/07/2010 với mã chứng khoán là SMT.

Trụ sở giao dịch của Công ty đặt tại Khu công nghiệp Long Thành, đường số 1, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30/06/2024 là 11 người (số đầu năm là 27 người).

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- Chi nhánh TP.HCM – Công ty Cổ phần Sametel: 32 Đường D5, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.
- Văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh: Lầu 6, số 31 đường số 18, phường 8, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Văn phòng đại diện tại thành phố Hà Nội: phòng 207, tòa nhà 133 Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
- Điểm Kinh doanh số 1 – Công ty CP Sametel: Lô A3, đường D1, Khu công nghiệp Cầu Tràm, Ấp Cầu Tràm, xã Long Trạch, huyện Cần Đức, tỉnh Long An.
- Điểm Kinh doanh số 1 – Công ty CP Sametel: nhà xưởng và tòa nhà văn phòng 3 và nhà xưởng 4 tại Công ty TNHH An Thiên Ly, KCN Bàu Xéo, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

**1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH**

**Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm:**

- Sản xuất thiết bị truyền thông: Sản xuất lắp ráp các thiết bị viễn thông;
- Đại lý, môi giới, đấu giá: Đại lý ký gửi: Thiết bị, nguyên vật liệu điện và Viễn thông, hàng kim khí điện máy;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông: Bán buôn, xuất nhập khẩu, thiết bị viễn thông;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng công trình công nghiệp;
- Sản xuất dây cáp điện và điện tử khác: Sản xuất, lắp ráp các thiết bị vật liệu điện;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn, xuất khẩu: thiết bị, nguyên vật liệu điện;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh: Bán lẻ, xuất nhập khẩu: thiết bị viễn thông;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Bán buôn, xuất nhập khẩu: hàng kim khí điện máy;
- Xây dựng nhà các loại: Xây dựng công trình dân dụng;
- Hoàn thiện công trình xây dựng: Trang trí nội thất;
- Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học;
- Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại: Sản xuất, gia công các sản phẩm cơ khí, khuôn mẫu (trừ xi mạ, tráng phủ kim loại);
- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm khung nhôm, trần nhôm, trần kim loại.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**2. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG, KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****2.1 KỶ KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch hàng năm.

Báo cáo này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

**2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”) của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**3.2 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành để lập và trình bày Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**4.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**4.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***4.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU (TIẾP)**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

**4.4 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá hàng xuất kho đối với sản xuất kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**4.5 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Số năm khấu hao (năm)
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 15
- Máy móc, thiết bị	02 - 12
- Phương tiện vận tải	06 - 14
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
- Phần mềm máy tính	03
- Quyền sử dụng đất	47

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4.6 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**4.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**4.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**Chứng khoán kinh doanh:** là các loại chứng khoán theo quy định của pháp luật nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm: Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán, Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi giá trị thị trường của cổ phiếu bị suy giảm theo giá đóng cửa của cổ phiếu niêm yết.

**4.9 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4.10 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh theo số vốn thực tế chủ sở hữu đã góp.

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, được phản ánh chi tiết theo hai chỉ tiêu riêng: Vốn góp của chủ sở hữu và thặng dư vốn cổ phần. Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu, còn thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua.

Cổ tức phải trả cho các Cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**4.11 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ**

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4.11 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ (TIẾP)**

*Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn*

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong kỳ được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

Giá vốn hàng bán được kết chuyển phù hợp với doanh thu đã ghi nhận và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

**4.12 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (sau khi trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

**4.13 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**4.14 NGOẠI TỆ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Trong đó:

- Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của các ngân hàng giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***4.15 THUẾ**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4.16 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, các Công ty liên doanh liên kết, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tiền mặt	756.424	756.424
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.366.873.403	3.319.586.768
- Các khoản tương đương tiền	-	5.169.757.427
	<u>4.367.629.827</u>	<u>8.490.100.619</u>

**CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN SAMETEL**  
Đường số 1, KCN Long Thành, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**6. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Chứng khoán kinh doanh	1.480.166.925	181.440.000 (1.298.726.925)	1.480.166.925	263.760.000 (1.216.406.925)
+ Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang (AGM)	1.480.166.925	181.440.000 (1.298.726.925)	1.480.166.925	263.760.000 (1.216.406.925)

**7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>29.930.863.393</b>	<b>(1.525.918.809)</b>	<b>55.052.803.980</b>	<b>(1.212.000.939)</b>
- Công ty TNHH FAFA Việt Nam	-	-	11.477.754.003	-
- Công ty TNHH Thiết bị điện Thảo Nguyễn	2.249.967.131	-	231.523.626	-
- Công ty TNHH FAFA Việt Nam	8.329.754.003	-	-	-
- Công ty TNHH Thiết bị điện Công nghiệp Hoàng Minh	12.614.063.506	-	27.193.163.310	-
- Công ty TNHH Thương mại và Kỹ thuật Hoa Hồng	-	-	3.857.243.645	-
- Công ty Điện lực Quảng Ngãi	1.998.323.254	-	1.957.414.737	-
- Công ty Điện lực Quảng Bình	-	-	2.378.159.248	-
- Công ty TNHH Kỹ thuật Vector Việt Nam	847.000.000	-	847.000.000	-
- Công ty CP Xây dựng Công trình Việt Nam	1.507.472.920	(753.736.460)	1.507.472.920	(452.241.876)
- Các Khách hàng khác	2.384.282.579	(772.182.349)	5.603.072.491	(759.759.063)
<b>Dài hạn</b>	<b>24.385.321.108</b>	<b>(1.429.121.823)</b>	-	-
- Công ty TNHH Kỹ thuật Vector Việt Nam (*)	21.527.077.463	-	-	-
- Công ty TNHH Thương mại và Kỹ thuật Hoa Hồng (**)	2.858.243.645	(1.429.121.823)	-	-
	<b>54.316.184.501</b>	<b>(2.955.040.632)</b>	<b>55.052.803.980</b>	<b>(1.212.000.939)</b>
	<b>2.249.967.131</b>		<b>231.523.626</b>	

**Phải thu khách hàng là bên liên quan**

(Chi tiết tại Thuyết minh số 28)

**CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN SAMETEL**  
Đường số 1, KCN Long Thành, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024

**7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG (TIẾP)**

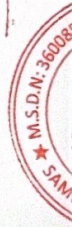
(\*) Là khách hàng mua hệ thống năng lượng mặt trời của Dự án Đa Phước và Dự án Bình Thành (Chi tiết xem tại Thuyết minh số 09).

(\*\*): Theo Hợp đồng mua bán số 0801/2023/HĐMB/SMT-RTT ngày 8 tháng 1 năm 2023 giữa công ty cổ phần Sametel và công ty TNHH Thương mại và Kỹ thuật Hoa Hồng về việc các thiết bị điện bị điện với giá trị là 9.057.243.644 đồng (giá trị đã bao gồm VAT). Theo phụ lục hợp đồng số 01/15032023/PLHD ngày 15/03/2023 về việc thay đổi điều 3 phương thức thanh toán như sau:

*Tiền độ thanh toán được chia theo các giai đoạn như sau:*

- + Giai đoạn 1 (tháng 12 năm 2023): 10% tổng giá trị
- + Giai đoạn 2 (tháng 12 năm 2024): 20% tổng giá trị
- + Giai đoạn 3 (tháng 12 năm 2025): 20% tổng giá trị
- + Giai đoạn 4 (tháng 12 năm 2026): 20% tổng giá trị
- + Giai đoạn 5 (tháng 12 năm 2027): 30% tổng giá trị

Bên mua có quyền yêu cầu thay đổi hoặc gia hạn thời gian thanh toán khi thực hiện hợp đồng trong bất kỳ trường hợp bên mua gặp khó khăn tài chính hoặc bất kỳ tình huống nào khác có thể ảnh hưởng đến khả năng thanh toán theo hợp đồng;



**CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN SAMETEL**  
Đường số 1, KCN Long Thành, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024

**8. PHẢI THU KHÁC**

- Ngắn hạn**
- Tạm ứng
  - Ký cược ký quỹ ngắn hạn
  - Thuế GTGT MMTB thuế tài chính
  - Phải thu Công ty Cổ phần dịch vụ Bcons
  - Phải thu khác
- Dài hạn**
- Ký cược, ký quỹ

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
	3.401.990.935	-	2.258.482.121	-
	2.214.096.100	-	952.676.100	-
	126.286.711	-	217.920.711	-
	142.150.529	-	187.040.165	-
	159.184.594	-	159.184.594	-
	760.273.001	-	741.660.551	-
	<b>394.813.155</b>	-	<b>552.673.523</b>	-
	394.813.155	-	552.673.523	-
	<b>3.938.954.619</b>	-	<b>2.998.195.809</b>	-
	<b>1.134.311.600</b>	-	<b>100.711.600</b>	-

**Phải thu khác là bên liên quan**  
(Chi tiết tại Thuyết minh số 28)

**CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN SAMETEL**  
Đường số 1, KCN Long Thành, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024

**9. HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.781.004.450	(261.944.398)	3.982.194.772	(92.219.288)
Công cụ, dụng cụ	993.324.668	-	8.035.637	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	622.584.680	(278.762.050)	24.802.883.544	(2.740.001.414)
Thành phẩm	1.037.215.539	(229.531.560)	400.236.851	(156.140.904)
Hàng hoá	760.299.187	-	408.608.317	(229.531.560)
Hàng gửi đi bán	<b>9.237.876.634</b>	<b>(770.238.008)</b>	<b>30.362.258.308</b>	<b>(3.217.893.166)</b>

(\*) Trong kỳ, Công ty đã ký hợp đồng mua bán hàng hóa về việc bán hệ thống năng lượng mặt trời solar của Dự án Đa Phước và Dự án Bình Thành chi tiết như sau:

- Hợp đồng số 2305/2024/HĐMB-SMT-VT ngày 23/5/2024 với Công ty TNHH Kỹ thuật Vector Việt Nam (“Bên mua”) với tổng cộng giá trị tiền hàng đã bao gồm VAT là 21.527.077.463 đồng. Theo điều khoản của hợp đồng:

*Tiến độ thanh toán được chia theo các giai đoạn như sau:*

- + Giai đoạn 1 (tháng 12 năm 2025): 10% tổng giá trị
- + Giai đoạn 2 (tháng 12 năm 2026): 20% tổng giá trị
- + Giai đoạn 3 (tháng 12 năm 2027): 20% tổng giá trị
- + Giai đoạn 4 (tháng 12 năm 2028): 20% tổng giá trị
- + Giai đoạn 5 (tháng 12 năm 2029): 30% tổng giá trị

Bên mua có quyền yêu cầu thay đổi hoặc gia hạn thời gian thanh toán bất kỳ tình huống nào có thể ảnh hưởng đến khả năng thanh toán theo hợp đồng:

*Về việc đổi trả hàng:* Bên mua được quyền trả hàng hóa nếu phát hiện có hàng hóa có hư hỏng trong vòng 5 năm.

- Hợp đồng số 01/HĐMB/2024: Solar ngày 27/02/2024 với Công ty Cổ phần VKK Việt Nam với tổng cộng tiền hàng đã bao gồm VAT là 4.400.000.000 đồng. Công ty Cổ phần VKK Việt Nam đã thanh toán toàn bộ tiền hàng cho Công ty.

**CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN SAMETEL**

Đường số 1, KCN Long Thành, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024

**10. TRẢ TRƯỚC NGƯỜI BÁN**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>14.085.368.542</b>	<b>(5.132.564.124)</b>	<b>14.089.675.643</b>	-
- Công ty TNHH Thiết bị điện Tháo Nguyên	5.875.776.251	(2.937.888.126)	5.875.776.251	-
- Công ty TNHH Thương mại và Kỹ thuật Hoa Hồng	774.170.315	-	774.170.315	-
- Công ty TNHH Thiết bị điện Công nghiệp Hoàng Minh	6.006.109.490	(1.801.832.847)	6.240.000.000	-
- Công ty TNHH Thiết bị và Phụ kiện Viễn Thông AP	66.449.900	-	66.449.900	-
- Công ty TNHH Thương mại cung ứng Polygreen	192.197.050	(96.098.525)	192.197.050	-
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Cơ điện Vinat	508.186.855	(254.093.126)	508.186.855	-
- Các nhà cung cấp khác	662.478.681	(42.651.500)	432.895.272	-

**CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN SAMETEL**

Đường số 1, KCN Long Thành, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>203.272.094</b>	<b>354.043.911</b>
- CCDC xuất dùng	12.181.940	37.401.288
- Chi phí thuê mại nhà xưởng	125.317.460	96.145.812
- Chi phí bảo trì, sửa chữa	-	160.449.917
- Chi phí bảo hiểm	31.367.290	45.130.227
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	34.405.404	14.916.667
<b>Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>457.072.290</b>	<b>627.551.436</b>
- CCDC xuất dùng	236.047.464	153.932.091
- Chi phí thi công, sửa chữa	165.197.951	200.972.678
- Chi phí trả trước dài hạn khác	55.826.875	272.646.667

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Khoản mục	Quyền sử dụng	Phần mềm	TSCĐ	Tổng cộng
	đất	máy vi tính	vô hình khác	
	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>				
01/01/2024	5.461.580.464	711.158.600	84.949.500	6.257.688.564
30/06/2024	5.461.580.464	711.158.600	84.949.500	6.257.688.564
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
01/01/2024	1.867.726.192	675.990.791	84.949.500	2.628.666.483
- Khấu hao trong kỳ	54.399.792	18.696.810	-	73.096.602
30/06/2024	1.922.125.984	694.687.601	84.949.500	2.701.763.085
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình</b>				
01/01/2024	3.593.854.272	35.167.809	-	3.629.022.081
30/06/2024	3.539.454.480	16.470.999	-	3.555.925.479

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 692.595.100 đồng

**CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN SAMETEL**

Đường số 1, KCN Long Thành, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Máy móc thiết bị	Tổng cộng
	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
01/01/2024	5.653.485.145	5.653.485.145
30/06/2024	5.653.485.145	5.653.485.145
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
01/01/2024	2.782.534.370	2.782.534.370
- Khấu hao trong kỳ	717.737.694	717.737.694
30/06/2024	3.500.272.064	3.500.272.064
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
01/01/2024	2.870.950.775	2.870.950.775
30/06/2024	2.153.213.081	2.153.213.081





**CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN SAMETEL**  
Đường số 1, KCN Long Thành, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dùng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
01/01/2024	19.725.100.597	59.503.533.641	2.184.832.727	77.350.000	81.490.816.965
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.478.700.000)	-	-	(1.478.700.000)
30/06/2024	19.725.100.597	58.024.833.641	2.184.832.727	77.350.000	80.012.116.965
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
01/01/2024	12.912.051.621	23.125.078.188	1.438.494.394	77.350.000	37.552.974.203
- Khấu hao trong kỳ	182.961.797	1.218.908.343	74.633.829	-	1.476.503.969
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.400.199.499)	-	-	(1.400.199.499)
30/06/2024	13.095.013.418	22.943.787.032	1.513.128.223	77.350.000	37.629.278.673
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
01/01/2024	6.813.048.976	36.378.455.453	746.338.333	-	43.937.842.762
30/06/2024	6.630.087.179	35.081.046.609	671.704.504	-	42.382.838.292

Tại ngày 30/06/2024:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 19.220.168.312 đồng
- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thẻ chấp, cầm cố các khoản vay: 34.718.770.378 đồng

**CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN SAMETEL**

Đường số 1, KCN Long Thành, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>8.654.268.751</b>	<b>8.654.268.751</b>	<b>10.849.249.160</b>	<b>10.849.249.160</b>
- Công ty TNHH Hoàng Ngọc Tùng	-	-	1.148.711.627	1.148.711.627
- Công ty Cổ phần VKC Holdings	3.536.105.523	3.536.105.523	3.536.105.523	3.536.105.523
- Công ty Cổ phần DH phân phối công nghiệp	1.036.811.566	1.036.811.566	-	-
- Công ty TNHH Mỹ Lan	134.105.510	134.105.510	117.953.000	117.953.000
- Công ty TNHH Thương mại Viễn thông Bách Hải	390.845.620	390.845.620	390.845.620	390.845.620
- Công ty Cổ phần Orion Capital	-	-	1.677.636.733	1.677.636.733
- Công ty Cổ phần KRA Group	1.192.311.896	1.192.311.896	1.192.311.896	1.192.311.896
- Công ty TNHH MTV Cấp Quang	274.569.554	274.569.554	329.483.468	329.483.468
- Các đối tượng khác	2.089.519.082	2.089.519.082	2.456.201.293	2.456.201.293
	<b>8.654.268.751</b>	<b>8.654.268.751</b>	<b>10.849.249.160</b>	<b>10.849.249.160</b>
	-	-	<b>1.677.636.733</b>	<b>1.677.636.733</b>

**Phải trả người bán là các bên liên quan**

(Chi tiết tại thuyết minh số 28)

**CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN SAMETEL**  
Đường số 1, KCN Long Thành, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2024		Số phải nộp trong kỳ		Số đã nộp/khấu trừ trong kỳ		30/06/2024	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Phải nộp</b>	5.032.049.258	5.299.063.135	5.657.407.761	4.673.704.632				
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	4.728.686.628	5.122.166.014	5.485.179.808	4.365.672.834				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	149.840.100	163.109.197	167.227.953	145.721.344				
- Thuế thu nhập cá nhân	153.522.530	8.787.924	-	162.310.454				
- Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-				
<b>Phải thu</b>	-	-	106.074.658	106.074.658				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	106.074.658	106.074.658				

**CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN SAMETEL**  
Đường số 1, KCN Long Thành, tỉnh Đồng Nai  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024

**17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>37.003.770.246</b>	<b>37.003.770.246</b>	<b>40.617.085.541</b>	<b>57.757.667.544</b>
- Vay ngắn hạn	32.364.532.374	32.364.532.374	35.952.047.669	54.656.285.388
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	-	-	24.872.028.420
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Nhơn Trạch (1)	21.864.532.374	21.864.532.374	25.452.047.669	29.784.256.968
+ Nguyễn Năng An (2)	10.500.000.000	10.500.000.000	10.500.000.000	-
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	4.639.237.872	4.639.237.872	3.114.346.794	1.550.691.078
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hồ Chí Minh (3)	3.075.582.156	3.075.582.156	1.550.691.078	1.550.691.078
- Nợ thuế tài chính (4)	1.563.655.716	1.563.655.716	1.563.655.716	-
<b>Vay dài hạn</b>	<b>7.297.360.161</b>	<b>7.297.360.161</b>	<b>-</b>	<b>3.608.132.808</b>
- Vay dài hạn	7.297.360.161	7.297.360.161	-	1.550.691.078
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hồ Chí Minh (3)	7.297.360.161	7.297.360.161	-	1.550.691.078
- Nợ thuế tài chính	-	-	-	2.057.441.730

(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Nhơn Trạch theo Hợp đồng tín dụng số 01/2024-HĐCVHM/NHCT681-SAMETEL ngày 23/04/2024 với hạn mức cho vay tại mọi thời điểm không vượt quá 30.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời hạn cấp hạn mức 12 tháng, và thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng. Lãi suất được quy định trên từng giấy nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo theo gồm:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/2022/HĐBĐ/HNCT-SMT ngày 08/03/2022 về Thửa đất tại địa chỉ phường 05, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh có diện tích 107,2 m<sup>2</sup> theo GCN quyền sử dụng đất số BB 610303 do UBND cấp ngày 20/04/2010 và nhà ở tại địa chỉ số 19/10/5, đường Trần Bình Trọng, phường 5, quận Bình Thạnh với diện tích xây dựng là 78,7m<sup>2</sup>, nhà cấp 2 có ba tầng.

**CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN SAMETEL**

Đường số 1, KCN Long Thành, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

- Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 01.02.2023/HĐBĐ/NHCT681-SMT ngày 27/03/2023 về thế chấp 10 căn hộ có diện tích 37,5 m<sup>2</sup> tại khu phức hợp Hòa Bình Green Đà Nẵng với tổng giá trị theo hợp đồng đảm bảo là 11.812.000.000 đồng
- (2) Khoản vay với Ông Nguyễn Năng An theo hợp đồng số 1005/2024/HDDVTCN ngày 10/05/2024 với giá trị 10.000.000.000 đồng và hợp đồng số 2705/2024/HĐVTCN ngày 27/05/2024 với giá trị 500.000.000 đồng Hợp đồng có kỳ hạn vay 12 tháng, lãi suất 11%/năm.
- (3) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong – TPBank theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 47/2020/HDTD/NOH/02 ngày 28/09/2020 với số tiền vay là 9.000.000.000 đồng. Mục đích: Vay thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp thuộc dự án điện mặt trời áp mới với tổng công suất khoảng 1MW tại nhà xưởng của Công ty TNHH An Thiên Lý có địa chỉ tại Khu công nghiệp Bàu Xéo., xã Sông Trầu, huyện Trảng Borm, Đồng Nai. Thời hạn vay là 84 tháng, lãi suất quy định trên các giấy nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản, quyền tài sản và các quyền, lợi ích hiện hữu và phát sinh trong tương lai từ việc đầu tư, phát triển, khai thác, tiêu thụ sản phẩm tại dự án điện mặt trời lắp đặt trên mái tại nhà xưởng của Công ty TNHH An Thiên Lý. Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện giữa SMT và Công ty Điện lực Đồng Nai hoặc các chi nhánh của Công ty Điện lực Đồng Nai, các công ty con và các chi nhánh của các công ty con. Quyền đòi nợ từ EVN theo hợp đồng mua bán điện giữa SMT và EVN.
- (4) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong – TPBank theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 47/2020/HDTD/NOH/03 ngày 11/05/2021 với số tiền vay là 9.000.000.000 đồng. Mục đích: Vay thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp thuộc dự án điện mặt trời áp mới với tổng công suất khoảng 1MW tại nhà xưởng của Công ty Thương mại dịch vụ xây dựng và xuất nhập khẩu Trung Thành có địa chỉ tại đường D1, khu công nghiệp Cầu Tràm, xã Long Trạch, huyện Cần Đức, Đồng Nai. Thời hạn vay là 84 tháng, lãi suất quy định trên các giấy nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản, quyền tài sản và các quyền, lợi ích hiện hữu và phát sinh trong tương lai từ việc đầu tư, phát triển, khai thác, tiêu thụ sản phẩm tại dự án điện mặt trời lắp đặt trên mái tại nhà xưởng của Công ty Thương mại dịch vụ xây dựng và xuất nhập khẩu Trung Thành. Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện giữa SMT và Công ty Điện lực Cần Đức hoặc các chi nhánh của Công ty Điện lực Cần Đức, các công ty con và các chi nhánh của các công ty con. Quyền đòi nợ từ EVN theo hợp đồng mua bán điện giữa SMT và EVN.
- (4) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong – TPBank theo hợp đồng cho vay số 129/2023/HDTD/NOH ngày 20/03/2023. Số tiền vay là 1.574.220.433 đồng với kỳ hạn 36 tháng kể từ ngày giải ngân. Mục đích vay là thanh toán tiền đợt 3 mua máy đột CNC Amada mã hiệu AE2510NT, sản xuất tại Nhật Bản. Tài sản đảm bảo của hợp đồng vay vốn này là máy Đột CNC Amada mã hiệu AE2510NT.
- (4) Khoản nợ thuế tài chính với Công ty tài chính TNHH MTV ngân hàng Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh theo hợp đồng cho thuê tài sản số 103/2021/CN/MN-CTTC ngày 13/01/2021 về việc thuê 5 tài sản là máy móc thiết bị để sử dụng phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn thuê là 48 tháng, lãi suất cho thuê là 11%/năm và tài sản đảm bảo là khoản đặt cọc trị giá 142.000.000 đồng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

## 18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

## 18.1 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu kỳ	54.674.320.000	54.674.320.000
+ Vốn góp cuối kỳ	54.674.320.000	54.674.320.000

## 18.2 CỔ PHIẾU

	30/06/2024	01/01/2024
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu được đã đăng ký phát hành	5.467.432	5.467.432
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công	5.467.432	5.467.432
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.467.432	5.467.432
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	4	4
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4	4
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.467.428	5.467.428
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.467.428	5.467.428

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (10.000 VND/CP)

## 18.3 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2023	54.674.320.000	3.816.120.000	6.929.018.235	6.047.357.575	71.466.815.810
- Lỗ trong năm	-	-	-	(3.301.934.996)	(3.301.934.996)
31/12/2023	54.674.320.000	3.816.120.000	6.929.018.235	2.745.422.579	68.164.880.814
01/01/2024	54.674.320.000	3.816.120.000	6.929.018.235	2.745.422.579	68.164.880.814
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	(7.376.969.720)	(7.376.969.720)
30/06/2024	54.674.320.000	3.816.120.000	6.929.018.235	(4.631.547.141)	60.787.911.094

## 19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
<b>Doanh thu</b>	52.282.868.443	81.302.874.218
- Doanh thu bán hàng hóa	26.501.283.578	64.796.343.564
- Doanh thu bán thành phẩm	22.456.288.680	13.067.085.668
- Doanh thu cung cấp điện năng lượng mặt trời	3.325.296.185	3.439.444.986

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**20. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	277.209.554	133.996.082
Trong đó:		
+ Hàng bán bị trả lại	277.209.554	133.996.082

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Giá vốn bán hàng hóa	26.028.991.643	65.458.967.896
Giá vốn thành phẩm	22.998.338.862	9.277.951.301
Giá vốn dịch vụ cung cấp điện năng lượng mặt trời	865.841.750	1.370.895.974
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.447.655.158)	-
	<b>47.445.517.097</b>	<b>76.107.815.171</b>

**22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	44.276.681	123.327.347
	<b>44.276.681</b>	<b>123.327.347</b>

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Chi phí lãi vay	2.026.592.110	3.117.922.649
Lãi thuê tài chính	99.123.597	167.505.520
Dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư	82.320.000	145.740.000
	<b>2.208.035.707</b>	<b>3.431.168.169</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

## 24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>8.689.994.410</b>	<b>2.403.067.977</b>
- Nguyên vật liệu	968.000	252.942.918
- Nhân viên quản lý	448.760.352	1.219.559.387
- Khấu hao tài sản cố định	455.450.127	73.489.548
- Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	6.926.133.531	-
- Dụng cụ đồ dùng văn phòng	128.400.820	-
- Thuế phí lệ phí	8.453.273	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	562.459.165	393.447.344
- Chi phí khác bằng tiền	159.369.142	463.628.780
<b>Các khoản chi phí bán hàng</b>	<b>1.334.942.832</b>	<b>2.806.233.613</b>
- Nguyên vật liệu	-	941.907.320
- Chi phí nhân viên	495.576.170	835.499.471
- Dụng cụ đồ dùng	33.406.091	-
- Khấu hao tài sản cố định	90.500.700	105.108.834
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	215.217.115	422.368.255
- Chi phí khác bằng tiền	85.563.536	501.349.733

## 25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(7.213.860.523)</b>	<b>(3.842.091.163)</b>
<b>Các khoản chi phí không được khấu trừ</b>	<b>1.179.795.371</b>	<b>-</b>
- Các khoản phạt chậm nộp	223.949.392	-
- Chi phí lãi vay vượt so với quy định	875.132.245	-
- Chi phí không hợp lý khác	80.713.734	-
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>(6.034.065.152)</b>	<b>(3.842.091.163)</b>
Thu nhập chịu thuế 10%	1.631.091.971	-
Thu nhập chịu thuế 20%	(7.665.157.123)	-
Thuế suất	20%	20%
Thuế suất ưu đãi theo điểm a khoản 1 điều 15 nghị định số 218/2013/NĐ-Cp ngày 26/12/2013	10%	10%
<b>Thuế TNDN từ hoạt động sản xuất kinh doanh</b>	<b>163.109.197</b>	<b>-</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>163.109.197</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN SAMETEL**

Đường số 1, KCN Long Thành, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***26. LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
Lỗ kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	(7.376.969.720)	(3.842.091.163)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(7.376.969.720)	(3.842.091.163)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (CP)	5.467.432	5.467.432
<b>Lỗ cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>(1.349)</b>	<b>(703)</b>

**27. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Công ty áp dụng việc trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên nhóm ngành kinh doanh chính của Công ty.

Chỉ tiêu	Sản xuất	Dịch vụ	Thương mại	Tổng cộng
Doanh thu bán ra	25.387.501.837	3.325.296.185	23.570.070.421	52.282.868.443
Giảm trừ doanh thu	277.209.554	-	-	277.209.554
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>25.110.292.283</b>	<b>3.325.296.185</b>	<b>23.570.070.421</b>	<b>52.005.658.889</b>
Giá vốn hàng bán	25.558.083.668	865.841.750	21.021.591.679	47.445.517.097
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>(447.791.385)</b>	<b>2.459.454.435</b>	<b>2.548.478.742</b>	<b>4.560.141.792</b>

**28. THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN**

TT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty TNHH Thiết bị điện Thảo Nguyên	Giám đốc là thành viên HĐQT Công ty
2	Công ty Cổ phần Orion capital	Giám đốc là em ruột của thành viên HĐQT Công ty
3	Bà Vũ Thị Phương	Tổng Giám đốc Công ty

**THU NHẬP CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Ban Tổng Giám đốc	137.597.102
- Bà Vũ Thị Phương	137.597.102
Tổng Giám đốc	137.597.102

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***28. THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)****GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
<b>Bán hàng bên liên quan</b>	<b>9.880.403.187</b>	<b>16.754.396.637</b>
Công ty TNHH Thiết bị điện Thảo Nguyên	9.880.403.187	4.902.575.204
Công ty Cổ phần Orion capital	-	11.851.821.433
	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024</b>	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Mua hàng bên liên quan</b>	<b>4.905.344.314</b>	<b>16.754.396.637</b>
Công ty TNHH Thiết bị điện Thảo Nguyên	-	4.902.575.204
Công ty Cổ phần Orion capital	4.905.344.314	11.851.821.433

**SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>2.249.967.131</b>	<b>231.523.626</b>
Công ty TNHH Thiết bị điện Thảo Nguyên	2.249.967.131	231.523.626
<b>Phải trả người bán</b>	<b>-</b>	<b>1.677.636.733</b>
Công ty Cổ phần Orion capital	-	1.677.636.733
<b>Tạm ứng</b>	<b>1.134.311.600</b>	<b>100.711.600</b>
Bà Vũ Thị Phương	1.134.311.600	100.711.600
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>5.875.776.251</b>	<b>5.875.776.251</b>
Công ty TNHH Thiết bị điện Thảo Nguyên	5.875.776.251	5.875.776.251

**29. THÔNG TIN VỀ TÍNH HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Tại thời điểm 30/06/2024, lỗ lũy kế của Công ty là hơn 4,6 tỷ đồng, đồng thời các khoản nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn khoảng 1,926 tỷ đồng. Những yếu tố này chỉ ra sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục do Ban lãnh đạo Công ty tin tưởng vào việc triển khai thành công phát hành cổ phiếu riêng lẻ và chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất tại Khu Công Nghiệp Long Thành theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 2806/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2024.

**30. THÔNG TIN KHÁC**

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 1307/2024/NQ-HĐQT ngày 13/07/2024 về quyết định thực hiện góp vốn tại Công ty TNHH Sametel sản xuất bằng tài sản với tổng giá trị là 3.300.000.000 đồng.

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 0709/2023/NQ-HĐQT ngày 7/9/2023 về việc thành lập công ty TNHH Sametel Sản xuất.

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 1207/2023/NQ-HĐQT ngày 12/07/2023 về việc thành lập Công ty TNHH MTV Sametel Solar. Ngoài ra, Nghị quyết trên còn phê duyệt thành lập công ty TNHH MTV Sametel Solar 2.

Đến thời điểm lập báo cáo này, Các công ty này đã được thành lập tuy nhiên Công ty Cổ phần Sametel chưa thực hiện góp vốn theo các Nghị quyết này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**31. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023 của Công ty và số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 của Công ty đã được soát xét bởi Công ty kiểm toán khác.

Đồng Nai, ngày 14 tháng 8 năm 2024



Nguyễn Thị Hằng  
Người lập biểu

Nguyễn Thị Hằng  
Kế toán trưởng

Vũ Thị Phương  
Tổng Giám Đốc

TAM